

Bản án số: 227/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 9 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 388/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp TP B, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TP B, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Ngọc T và anh Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T với anh H chung sống với nhau năm 2006, chung sống tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không ai quan tâm đến cuộc sống của hai người đã hơn hai năm. Nay anh chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Chấn K, sinh ngày 09/6/2008. Khi không công nhận vợ chồng, chị T đồng ý giao cháu K cho anh H nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn H là vụ kiện tranh chấp ly hôn và con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T, anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Thùy, anh Hồ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2006, chị T và anh H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, chị T và anh H có 01 người con chung. Khi không công nhận vợ chồng, chị T đồng ý giao con cho anh H nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Xét thấy: Thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng giữa chị T với anh H là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Ngọc T với anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chấn K, sinh ngày 09/6/2008 cho anh Nguyễn Văn H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012951 ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Lê Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh